

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/DS-PT

Ngày 24-01-2022

V/v Tranh chấp đòi tiền lãi trong hợp
đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Đặng Văn Những

Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 487/2020/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp đòi tiền lãi trong hợp đồng xây dựng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T. Địa chỉ trụ sở chính: Số 31/21 Đường K, phường H, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T, sinh năm 1945, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bá H, sinh năm 1975, chức vụ: Chuyên viên tổng hợp Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T (Theo văn bản ủy quyền số 162/2020/GUQ ngày 29/6/2020). (Có mặt).

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: Số 61 đường N, Phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn U – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1982; Chức vụ: Phó giám đốc Ban Quản lý dự án công trình giao thông – Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An (Theo văn bản ủy quyền số 644/UBND-NCTCD ngày 12/02/2020). (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An. Địa chỉ trụ sở: Số 66 Đường H, Phường 2, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Hoàng Tuấn – Giám đốc Sở Giao thông vận tải Long An.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Phạm Phương Nam, sinh năm 1969; Chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án công trình giao thông – Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1982; Chức vụ: Phó giám đốc Ban Quản lý dự án công trình giao thông – Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An.

(Theo các văn bản ủy quyền số 902/GUQ-SGTVT ngày 09/3/2020 và số 3598/GUQ-SGTVT ngày 04/8/2020). (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2019, và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T do ông Nguyễn Bá H đại diện trình bày:

Ngày 31/5/2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T (gọi tắt là Công ty T) và Sở Giao thông vận tải Long An (là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ủy quyền ký hợp đồng với nhà đầu tư tại văn bản số 2950/UBND-CN ngày 09/9/2011) ký hợp đồng xây dựng chuyển giao (BT) số 10A/2013/HĐ-B.T dự án đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh đoạn từ Thủ Thừa – Quốc lộ N2 (giai đoạn 1) (gọi tắt là Hợp đồng BT). Căn cứ chủ trương đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An chấp thuận và nội dung đã được thỏa thuận trong hợp đồng thì sau khi công trình hoàn thành và được kiểm toán, quyết toán tổng vốn đầu tư thì bên A và bên B sẽ ký phụ lục hợp đồng xác định lại tổng vốn thanh toán của dự án, thời điểm phương thức thanh toán và cách tính lãi trả chậm đã được xác định trong phương án tài chính đính kèm hợp đồng BT này, cụ thể: Đơn giá thanh toán theo hồ sơ đề xuất phê duyệt tại Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu thiết kế bản vẽ thi công - dự toán, quản lý dự án, thi công xây dựng và các công trình khác còn lại của dự án. Bên A sẽ thanh toán cho bên B tổng vốn thanh toán trong thời hạn 03 năm, trong năm đầu kể từ ngày hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng sẽ thanh toán 100 tỷ đồng, năm thứ hai thanh toán 100 tỷ đồng, năm cuối cùng thanh toán hết phần còn lại, trong trường hợp tình cân đối được đủ nguồn vốn để thanh toán thì sẽ thanh toán

ngay để giảm phần lãi suất phát sinh sau nghiệm thu bàn giao. Lãi suất trả chậm lấy theo thực tế nhưng không quá 12,35%/năm, lãi trả chậm phát sinh trong kỳ được xác định bằng lãi trả chậm (x) dư nợ tổng vốn đầu tư bên A chưa thanh toán (theo điểm 5.3.2, khoản 5.3, điều 5 của Hợp đồng BT).

Thực hiện hợp đồng, Công ty T đã tiến hành đầu tư, thi công xây dựng đúng như hợp đồng đã ký kết, đến ngày 31/5/2016 công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng với tổng giá trị là 219.259.038.000 đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã không thanh toán toàn bộ số tiền trên mà chia thành nhiều đợt kéo dài trong 02 năm, ngày thanh toán cuối cùng là ngày 01/9/2017. Do đó phát sinh tiền lãi trả chậm, tính đến ngày 31/10/2018, tổng tiền lãi chậm trả là 13.595.428.308 đồng. Số tiền lãi chậm trả được phát sinh thực tế dựa trên số tiền vay huy động vốn đầu tư dự án từ Ngân hàng B- Chi nhánh Long An và Quỹ đầu tư và phát triển tỉnh Long An và được Công ty T thanh toán tương ứng với số tiền được cơ quan Nhà nước hoàn trả từng đợt.

Công ty T đã nhiều lần làm việc và gửi văn bản yêu cầu thanh toán số tiền lãi trên nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Long An không đồng ý với lý do là thỏa thuận về chi phí lãi trả sau ngày công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng giữa các bên là không phù hợp với hướng dẫn tại Điều 12 Thông tư 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính.

Công ty T khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Long An (Cơ quan ủy quyền cho Sở Giao thông vận tải Long An ký hợp đồng với Công ty T) phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi chậm trả là 13.595.428.308 đồng.

Bị đơn Ủy ban nhân dân tỉnh Long An và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An do ông Nguyễn Minh H1 đại diện trình bày: Công trình đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh, đoạn từ Thủ Thừa – Quốc lộ N2 (giai đoạn 1) được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thực hiện theo hình thức hợp đồng BT (Xây dựng – Chuyển giao), tổng chiều dài 16,4km, nguồn vốn đầu tư: Sau khi công trình nghiệm thu sẽ được bố trí vốn xây dựng cơ bản của Ngân sách tỉnh để thanh toán, dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An phê duyệt tại Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 06/9/2011, phê duyệt điều chỉnh theo Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 12/4/2012 và Quyết định số 441/QĐ-UBND ngày 24/01/2013. Thời gian thực hiện từ năm 2013 đến năm 2016 (thanh toán đến năm 2018).

Dự án này Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ủy quyền cho Sở giao thông vận tải tỉnh Long An làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án tại văn bản số 2950/UBND-CN ngày 09/9/2011.

Ngày 31/5/2013 Sở Giao thông vận tải Long An ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng và bất động sản T (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T, gọi tắt là Công ty T) tại hợp đồng số 10A/2013/HĐ-B.T, về thi công công trình đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh, đoạn từ Thủ Thừa – Quốc lộ N2.

- Tổng mức đầu tư theo dự án được duyệt: 424.329.283.000 đồng.

- Tổng mức đầu tư theo Hợp đồng BT: 407.963.965.000 đồng.

Thời gian thực hiện 36 tháng.

Điều kiện thanh toán lãi theo hợp đồng BT: Khoản 5.1, điều 5 của hợp đồng:

- Tại tiết 5.1.1.3, điểm 5.1.1: “*Tổng mức đầu tư theo hợp đồng BT bao gồm chi phí lãi vay cho Bên B. Chi phí lãi vay được tính toán theo Thông báo kết quả cuộc họp số 09/TB-SKHĐT ngày 21/01/2013 của Sở Kế hoạch và đầu tư và Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của UBND tỉnh Long An*”.

- Theo tiết 5.1.3.2, điểm 5.1.3: “*Chi phí lãi vay sau thời gian hoàn thành Bên A và Bên B thống nhất giá trị trả khi được cơ quan thẩm quyền chấp thuận*”.

Về nguyên tắc thanh toán và mức trả lãi chậm được thỏa thuận trong hợp đồng đúng như đại diện nguyên đơn trình bày.

Công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng vào ngày 31/5/2016. Ngày 17/7/2017 Ủy ban nhân dân tỉnh Long An phê duyệt quyết toán vốn đầu tư là 238.479.963.000 đồng. Riêng giá trị quyết toán trong hợp đồng BT là 219.259.038.000 đồng, bao gồm: Khối lượng hoàn thành: 199.521.753.000 đồng; Lãi vay BIDV (đến 31/5/2016): 18.272.698.000 đồng; Lãi vay Quỹ đầu tư (đến 31/5/2016): 1.464.587.000 đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh Long An đã bố trí vốn đầu tư công kế hoạch hàng năm cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An để thanh toán đầy đủ cho Công ty T trong năm 2016 - 2017 (02 năm), tổng số tiền thanh toán là 219.259.038.000 đồng, thời hạn giải ngân lần đầu là ngày 04/12/2016, giải ngân cuối cùng ngày 01/9/2017.

Ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với số tiền 219.259.038.000 đồng Ủy ban nhân dân tỉnh Long An thanh toán cho Công ty T thành nhiều đợt, bởi vì theo cam kết trong hợp đồng BT kể từ ngày công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng sẽ thanh toán trong thời gian 03 năm, công trình nghiệm thu ngày 31/5/2016 đến hết ngày 31/5/2019 thì mới hết thời gian thanh toán cho Công ty T. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Long An bố trí vốn để Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An thanh toán cho Công ty T toàn bộ giá trị quyết toán công trình vào ngày 01/9/2017 là sớm hơn cam kết trong hợp đồng BT.

Nội dung quyết toán hợp đồng BT trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đã được Sở Tài chính tổ chức họp thống nhất số liệu quyết toán vốn đầu tư tại biên bản ngày 10/7/2017, tại cuộc họp có ông Trần Văn H2, Phó Tổng giám đốc và ông Nguyễn Trọng Q, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán của Công ty T tham dự, ký thống nhất số liệu quyết toán, trong đó có thống nhất chi phí lãi vay là 19.737.285.000 đồng tại cuộc họp này đại diện Công ty T không có ý kiến đề xuất, kiến nghị gì liên quan đến lãi vay sau thời gian nghiệm thu công trình.

Về yêu cầu thanh toán lãi trả chậm:

Tại tiết 5.1.1.3 điểm 5.1.1, khoản 5.1 điều 5 của hợp đồng BT thỏa thuận “*Tổng mức đầu tư theo hợp đồng BT bao gồm chi phí lãi vay của bên B. Chi phí lãi vay được tính toán theo Thông báo kết quả cuộc họp số 09/TB-SKHĐT ngày 21/01/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của UBND tỉnh Long An*”.

Theo thông báo số 09/TB-SKHĐT ngày 21/01/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An, về thời gian lãi “*thống nhất lãi phát sinh trong quá trình thi công (không quá 36 tháng theo hợp đồng - phù hợp với khoản 1 Điều 12 Thông tư 166/2011/TT-BTC). Đối với phần chậm trả sau khi bàn giao toàn bộ công trình, đối với hợp đồng BT cuộc họp thống nhất “Việc thanh toán sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc tính lãi đối với phần chậm trả trên (Sở Tài chính đã có văn bản số 19/STC-ĐT ngày 02/01/2013 gửi Bộ Tài chính về tham khảo ý kiến việc xác định mức lãi vay và thời gian tính lãi vay dự án lựa chọn nhà thầu theo phương thức BT)*”.

Tại tiết 5.1.3.2, điểm 5.1.3, khoản 5.1 điều 5 của hợp đồng BT quy định “*Chi phí lãi vay sau thời gian hoàn thành Bên A và Bên B thống nhất giá trị trả sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận*”.

Về thời gian tính lãi vay phát sinh trong quá trình thi công là không quá 36 tháng theo hợp đồng.

Về điều kiện thanh toán lãi trả chậm (sau ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng): Khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 116/QĐ-SGTVT ngày 25/01/2013 của Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An về việc phê duyệt điều chỉnh hồ sơ yêu cầu: “*Bổ sung phương thức thanh toán đối với phần chậm trả sau khi bàn giao toàn bộ công trình: được tính lãi suất như trong quá trình thi công khi có hướng dẫn của Bộ tài chính*”.

Đến thời điểm quyết toán công trình không có văn bản pháp lý nào của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho phép tính lãi sau thời gian nghiệm thu công trình, do đây là công trình sử dụng vốn Nhà nước nên việc tính toán các khoản mục chi phí để lập dự án đầu tư, lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký hợp đồng, nghiệm thu, quyết toán hợp đồng đều phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật từng thời kỳ nên Ủy ban nhân dân tỉnh Long An không có cơ sở thanh toán tiền lãi trả chậm theo yêu cầu của Công ty T nên đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố T đã tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Long An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 11/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Long An nhận được đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T đề ngày 10/9/2020

kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Bá H trình bày: Tại Văn bản số 4669/BTC-ĐT ngày 10/5/2021 của Bộ Tài Chính ghi: “*pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 166/2011/TT-BTC không có các quy định về lãi vay trả chậm sau thời gian xây dựng dự án BT và không có quy định các bên không được thỏa thuận, ký kết các nội dung về lãi vay trả chậm sau thời gian xây dựng trong hợp đồng dự án BT*”, đồng thời công văn xác định đây là vụ án dân sự, đề nghị căn cứ pháp luật dân sự để giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên. Như vậy pháp luật vẫn cho phép các bên được quyền thỏa thuận về lãi vay trả chậm sau thời gian nghiệm thu và trong hợp đồng BT hai bên có thỏa thuận về nghĩa vụ của Ủy ban tỉnh trả khoản lãi này nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Minh H1 trình bày: Ông thống nhất với nội dung của Văn bản số 4669/BTC-ĐT ngày 10/5/2021 của Bộ Tài Chính, nội dung công văn ghi các bên có quyền thỏa thuận về lãi vay trả chậm sau thời gian nghiệm thu trong hợp đồng BT. Tuy nhiên trong hợp đồng BT giữa hai bên có ghi: “*Chi phí lãi vay sau thời gian hoàn thành Bên A và Bên B thống nhất giá trị trả khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận*”, đây là thỏa thuận có điều kiện nhưng đến thời điểm này không có cơ quan có thẩm quyền hoặc pháp luật chấp thuận cho phép trả lãi trả chậm nên thỏa thuận này không phát sinh hiệu lực. Vì vậy đề nghị bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, ông H và ông H1 vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày ở cấp sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Trong hợp đồng BT các bên thỏa thuận chi phí trả lãi vay sau thời gian hoàn thành khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhưng đến thời điểm hiện nay không có văn bản pháp luật nào quy định hoặc được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thanh toán lãi trả chậm sau thời gian nghiệm thu công trình. Trên thực tế Ủy ban tỉnh đã thanh toán các khoản chi phí đầu tư theo hợp đồng BT cho nguyên đơn trước thời hạn thỏa thuận do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt đầy đủ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Sau khi nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án, các tài liệu chứng cứ thu thập được, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Hợp đồng xây dựng chuyên giao (BT) số 10A/2013/HĐ-B.T dự án đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh đoạn từ Thủ Thừa – Quốc lộ N2 (giai đoạn 1) ngày 31 tháng 05 năm 2013 được xác lập giữa Công ty T và Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An (là cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh Long An ủy quyền ký hợp đồng với nhà đầu tư), tại tiết 5.1.1.3, điểm 5.1.1, khoản 5.1 điều 5 của hợp đồng BT các bên thỏa thuận: “*Tổng mức đầu tư theo hợp đồng BT bao gồm chi phí lãi vay của bên B, chi phí lãi vay được tính theo Thông báo kết quả cuộc họp số 09/TB-SKHĐT ngày 21/01/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/3/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An*”. Tại tiết 5.1.3.2, điểm 5.1.2, khoản 5.1 điều 5 của hợp đồng BT các bên thỏa thuận: “*Chi phí lãi vay sau thời gian hoàn thành Bên A và Bên B thống nhất giá trị trả khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận*”. Như vậy, theo thỏa thuận tại tiết 5.1.3.2 này thì đây là thỏa thuận có điều kiện và chỉ khi điều kiện “*được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận*” thì thỏa thuận về thanh toán lãi trả chậm mới phát sinh hiệu lực theo Điều 125 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5] Tại Thông báo số 09/TB-SKHĐT ngày 21/01/2013 của Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Long An, về thời gian tính lãi quy định: “*thống nhất lãi phát sinh trong quá trình thi công (không quá 36 tháng theo Hợp đồng – phù hợp với khoản 1 điều 12 Thông tư số 166/2011/TT-BTC)*. Đối với phần chậm trả sau khi bàn giao toàn bộ công trình, cuộc họp thống nhất tính toán đối với phần chậm trả theo mức lãi suất như trong quá trình thi công vào tổng vốn đầu tư theo Hợp đồng BT. Việc thanh toán sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc tính lãi đối với phần chậm trả trên (Sở tài chính đã có văn bản số 19/STC-ĐT ngày 02/01/2013 gửi Bộ Tài Chính về việc tham khảo ý kiến việc xác định lãi vay và thời gian tính lãi vay dự án lựa chọn nhà thầu theo phương thức BT) ”.

[6] Tại công văn số 1590/BTC-ĐT ngày 29/01/2013 của Bộ Tài chính có ý kiến như sau: “*2. Lãi suất áp dụng đối với khoản vốn vay của nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài Chính*”.

[7] Theo hướng dẫn tại khoản 1, Điều 12 Thông tư số 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài Chính quy định:

“1. Lãi vay huy động vốn đầu tư của nhà đầu tư trong thời gian xây dựng công trình được tính trong tổng mức đầu tư dự án. Thời gian tính lãi vay tối đa không vượt quá thời gian xây dựng công trình theo hợp đồng, được tính theo mức cam kết và tiến độ huy động các nguồn vốn vay theo hợp đồng, song mức vay tối đa của Nhà đầu tư được xác định bằng tỷ lệ vốn phải huy động ngoài nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Lãi vay huy động vốn đầu tư của nhà đầu tư chỉ được áp dụng đối với phần vốn Nhà đầu tư phải đi vay để đầu tư dự án BOT, BTO, BT; không tính lãi vay đối với phần vốn chủ sở hữu Nhà đầu tư phải đảm nhận theo quy định...”

[8] Như vậy, theo hướng dẫn tại Thông tư 166/2011/TT-BTC ngày 17/11/2011 của Bộ Tài chính, thì thời gian tính lãi vay phát sinh tối đa trong quá trình xây dựng công trình là 36 tháng.

[9] Ngày 26/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An có Văn bản số 41/TA-KT gửi Bộ Tài chính tham khảo ý kiến về yêu cầu tính lãi trả chậm trong trường hợp tranh chấp giữa Công ty T và UBND tỉnh Long An. Ngày 10/5/2021, Bộ Tài Chính có Văn bản số 4669/BTC-ĐT phản hồi văn bản của Tòa án nhân dân tỉnh, có nội dung xác định: Pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Thông tư số 166/2011/TT-BTC không có các quy định về lãi vay trả chậm sau thời gian xây dựng dự án BT và không có quy định các bên không được thỏa thuận, ký kết các nội dung về lãi vay chậm trả sau thời gian xây dựng trong hợp đồng BT, đồng thời đây là vụ án dân sự, đề nghị căn cứ pháp luật dân sự để giải quyết nội dung tranh chấp giữa các bên theo quy định.

[10] Từ những căn cứ trên, xét thấy rằng trong hợp đồng BT các bên chỉ thỏa thuận chi phí trả lãi vay sau thời gian hoàn thành khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử sơ thẩm và hiện nay không có văn bản pháp luật nào quy định hoặc được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thanh toán lãi trả chậm trong hợp đồng BT nên thỏa thuận tại tiết 5.1.3.2 về: *“Chi phí lãi vay sau thời gian hoàn thành Bên A và Bên B thống nhất giá trị trả khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận”* là không phát sinh hiệu lực do điều kiện *“được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận”* đã không xảy ra theo Điều 120 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố T.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 144 Luật xây dựng; Điều 120, khoản 6 Điều 402 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh Long An phải thanh toán số tiền lãi trả chậm là 13.595.428.308đ (Mười ba tỷ năm trăm chín mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi tám ngàn ba trăm lẻ tám đồng).

2. Về án phí:

- Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T phải chịu 121.595.428 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.797.714 đ theo biên lai thu số 0004194 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; Công ty T còn phải nộp tiếp 60.797.714 đồng (Sáu mươi triệu, bảy trăm chín mươi bảy ngàn, bảy trăm mười bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển dự án hạ tầng T phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004738 ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T; Công ty T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc